

## Tài liệu về học phần ngoại ngữ

Các loại chứng chỉ có thể sử dụng để quy đổi điểm của học phần anh văn bao gồm: TOEIC, IELTS, TOEFL ITP, TOEFL iBT.

Các loại chứng chỉ có thể sử dụng để quy đổi điểm của học phần tiếng Nhật bao gồm: JLAN, NAT-TEST, JLPT.

### Mức quy đổi điểm Anh văn:

- Anh văn 1: 10 điểm tương đương 425 điểm TOEIC, 400 điểm TOEFL ITP;
- Anh văn 2: 10 điểm tương đương 500 điểm TOEIC, 430 điểm TOEFL ITP;
- Anh văn 3: 10 điểm tương đương 550 điểm TOEIC, 460 điểm TOEFL ITP, 4.0 IELTS, 32 điểm TOEFL iBT;
- Anh văn 4: 10 điểm tương đương 600 điểm TOEIC, 480 điểm TOEFL ITP, 4.0 IELTS, 36 điểm TOEFL iBT;
- Anh văn 5: 10 điểm tương đương 650 điểm TOEIC, 500 điểm TOEFL ITP, 4.5 IELTS, 41 điểm TOEFL iBT.

Như vậy khi quy đổi điểm Anh văn, những sinh viên có số điểm:

- TOEIC  $\geq$  650, TOEFL ITP  $\geq$  500, IELTS  $\geq$  4.5, TOEFL iBT  $\geq$  41: sẽ được 10 điểm Anh văn 1,2,3,4 và 5.
- $600 \leq$  TOEIC  $<$  650,  $480 \leq$  TOEFL ITP  $<$  500,  $4.0 \leq$  IELTS  $<$  4.5,  $36 \leq$  TOEFL iBT  $<$  41: sẽ được 10 điểm Anh văn 1,2,3 và 4.
- $550 \leq$  TOEIC  $<$  600,  $460 \leq$  TOEFL ITP  $<$  480,  $4.0 \leq$  IELTS  $<$  4.5,  $32 \leq$  TOEFL iBT  $<$  36: sẽ được 10 điểm Anh văn 1,2 và 3.
- $500 \leq$  TOEIC  $<$  550,  $430 \leq$  TOEFL ITP  $<$  460: sẽ được 10 điểm Anh văn 1 và 2.
- $425 \leq$  TOEIC  $<$  500,  $400 \leq$  TOEFL ITP  $<$  430: sẽ được 10 điểm Anh văn 1.

### Mức quy đổi điểm tiếng Nhật:

- Tiếng Nhật 1: Không yêu cầu chứng chỉ tiếng Nhật quốc tế
- Tiếng Nhật 2: 10 điểm tương đương: JLAN J5, NAT-TEST N5, JLPT N5 hoặc tổng điểm  $\geq$  100 trong kỳ thi tiếng Nhật nội bộ.
- Tiếng Nhật 3: 10 điểm tương đương: JLAN J5, NAT-TEST N5, JLPT N5 hoặc tổng điểm  $\geq$  130 trong kỳ thi tiếng Nhật nội bộ.
- Tiếng Nhật 4: 10 điểm tương đương: JLAN J4, NAT-TEST N4, JLPT N4 hoặc tổng điểm  $\geq$  140 trong kỳ thi tiếng Nhật nội bộ.
- Tiếng Nhật 5: 10 điểm tương đương: JLAN J4, NAT-TEST N4, JLPT N4 hoặc tổng điểm  $\geq$  160 trong kỳ thi tiếng Nhật nội bộ.

Thông tin chi tiết về mức quy đổi điểm ngoại ngữ sinh viên xem tại Bảng quy đổi điểm

tại website phòng đào tạo.

LƯU Ý: Thời gian quy đổi: trong 5 học kỳ đầu để không bị trừ điểm. Từ học kỳ 6 trở đi, các thang điểm quy đổi sẽ bị trừ 1 điểm trên 1 học kỳ. Ví dụ:

- Học kỳ 6 sẽ bị trừ 1 điểm
- Học kỳ 7 sẽ bị trừ 2 điểm
- Học kỳ 8 sẽ bị trừ 3 điểm
- Học kỳ 9 sẽ bị trừ 4 điểm
- Học kỳ 10 sẽ bị trừ 5 điểm
- Tương tự ở các học kỳ tiếp theo sẽ bị trừ thêm 1 điểm mỗi kỳ.